TÒA ÁN NHÂN DÂN **TỈNH BÌNH DƯƠNG**	**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** **Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: 395/2023/DS-PT
Ngày 19-9-2023
V/v tranh chấp hợp đồng tín dụng

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TÒA ÁN NHÂN DÂN TỈNH BÌNH DƯƠNG

- Thành phần Hội đồng xét xử phúc thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Bà Đinh Thị Mộng Tuyết.

Các Thẩm phán: Ông Nguyễn Trung Dũng;

Bà Nguyễn Thị Duyên Hằng.

- Thư ký phiên tòa: Bà Nguyễn Thị Hồng Xuân - Thư ký Tòa án nhân dân tỉnh Bình Dương.

- Đại diện Viện Kiểm sát nhân dân tỉnh Bình Dương tham gia phiên tòa: Ông Lê Trung Kiên – Kiểm sát viên.

Ngày 19 tháng 9 năm 2023, tại trụ sở Tòa án nhân dân tỉnh Bình Dương xét xử phúc thẩm công khai vụ án dân sự thụ lý số 288/2023/TLPT-DS ngày 02 tháng 8 năm 2023 về việc "Tranh chấp hợp đồng tín dụng".

Do Bản án dân sự sơ thẩm số 33/2023/DS-ST ngày 26 tháng 5 năm 2023 của Tòa án nhân dân thành phố T, tỉnh Bình Dương bị kháng cáo.

Theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử phúc thẩm số 326/2023/QĐ-PT ngày 11 tháng 8 năm 2023; Quyết định hoãn phiên tòa số 401/2023/QĐ-PT ngày 31 tháng 8 năm 2023, giữa các đương sự:

- *Nguyên đơn:* Ngân hàng Thương mại Cổ phần Q; địa chỉ: tầng A (tầng trệt) và tầng 2 Tòa nhà S, số A P, phường B, Quận A, Thành phố Hồ Chí Minh.

Người đại diện theo pháp luật: Ông Hàn Ngọc V – Chức vụ: Tổng Giám đốc.

Người đại diện theo ủy quyền của ông V: Ông Nguyễn Khánh H – Chức vụ: Giám đốc Thu hồi nợ trực tiếp và xử lý nợ Vùng Đông H và Trung bộ - Trung tâm Quản lý nợ Ngân hàng B – Khối ngân hàng bán lẻ V1 (Văn bản ủy quyền số 05087623 ngày 10/5/2023).

Người đại diện theo ủy quyền của bà H1:

1. Ông Nguyễn Mạnh T – Chức vụ: Cán bộ ngân hàng, có mặt;

2. Bà Lê Thị Thanh L – Chức vụ: Cán bộ ngân hàng, có mặt;

3. Ông Nguyễn An D – Chức vụ: Cán bộ ngân hàng, có mặt;

Cùng địa chỉ liên hệ: tầng 6, Tòa nhà P - số B, U, Phường B, quận B, Thành phố Hồ Chí Minh, (Văn bản ủy quyền ngày 25/4/2023).

- *Bị đơn:*

1. Ông Hà Văn D1, sinh năm 1981, có mặt;

2. Bà Nguyễn Thị S, sinh năm 1981, vắng mặt;

Cùng địa chỉ: số H, khu phố B, phường B, thành phố T, tỉnh Bình Dương.

- *Người kháng cáo:* bị đơn ông Hà Văn D1.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

- *Nguyên đơn Ngân hàng Thương mại Cổ phần Q trình bày:*

Nguyên đơn Ngân hàng Thương mại Cổ phần Q (viết tắt: Ngân hàng) có ký kết 02 hợp đồng tín dụng cho bị đơn là vợ chồng ông Hà Văn D1 và bà Nguyễn Thị S vay tiền, cụ thể:

+ Theo Hợp đồng tín dụng số 5903596.21 ngày 27/01/2021 các bên thỏa thuận: nguyên đơn cho bị đơn vay số tiền 3.500.000.000 đồng với thời hạn 348 tháng kể từ ngày tiếp theo, ngày giải ngân đến 16/3/2050, lãi suất tại thời điểm giải ngân 12,5%/năm, lãi suất này sẽ được VIB chủ động điều chỉnh 03 tháng một lần bằng lãi suất cơ sở theo sản phẩm cộng biên độ 4,1%/năm, phương thức trả nợ: hoàn trả khoản tín dụng gốc và lãi vào ngày 15 hàng tháng, ngày trả lãi đầu tiên 15/4/2021. Ngày 16/3/2021, nguyên đơn đã giải ngân số tiền 3.500.000.000 đồng cho bị đơn vay.

+ Theo Hợp đồng tín dụng số 3900666.21 ngày 12/11/2021 các bên thỏa thuận: nguyên đơn cho bị đơn vay số tiền 300.000.000 đồng với thời hạn 348 tháng kể từ ngày tiếp theo, ngày giải ngân đến 16/11/2050, lãi suất tại thời điểm giải ngân 11,70%/năm, lãi suất này sẽ được VIB chủ động điều chỉnh 03 tháng một lần bằng lãi suất cơ sở theo sản phẩm cộng biên độ 3,3%/năm, phương thức trả nợ: hoàn trả khoản tín dụng gốc và lãi vào ngày 15 hàng tháng. Ngày 16/11/2021, nguyên đơn đã giải ngân số tiền 300.000.000 đồng cho bị đơn vay.

Để đảm bảo các khoản vay nói trên, bị đơn đã thế chấp quyền sử dụng đất và tài sản gắn liền với đất tại thửa đất số 1543, tờ bản đồ số 91 tọa lạc tại khu phố B, phường B, thị xã (nay là thành phố) T, tỉnh Bình Dương (đất đã được cấp Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất, quyền sở hữu nhà ở và tài sản khác gắn liền với đất số BY 901216, số vào sổ CH05027 do Ủy ban nhân dân thị xã (nay là thành phố) T, tỉnh Bình Dương cấp ngày 30/6/2015, cập nhập biến động ngày 26/01/2016 và cập nhập chuyển nhượng ngày 08/6/2017 đứng tên ông Hà Văn D1), hợp đồng thế chấp trên được Văn phòng Công chứng Trần Thị Thanh M công chứng số 02496, quyển số 03TP/CC-SCC/HĐGD ngày 10/3/2021.

Quá trình thực hiện hợp đồng, bị đơn vi phạm nội dung thỏa thuận, không thanh toán tiền gốc và lãi đúng hạn nên nguyên đơn đã chuyển khoản vay thành khoản nợ quá hạn từ ngày 15/02/2022.

Tính đến ngày 22/5/2023, bị đơn đã thanh toán cho nguyên đơn số tiền 504.621.262 đồng (trong đó nợ gốc là 102.324.660 đồng, số tiền lãi là 402.296.602 đồng), hiện còn nợ tổng cộng số tiền 4.571.866.257 đồng (trong đó 3.697.675.340 là tiền nợ gốc và 874.190.917 đồng tiền lãi), cụ thể:

+ Hợp đồng tín dụng số 5903596.21: số tiền 3.399.430.000 đồng là nợ gốc và 801.846.926 đồng tiền lãi, tổng cộng số tiền 4.201.276.925 đồng.

+ Hợp đồng tín dụng số 3900666.21: số tiền 298.245.340 đồng là nợ gốc và 72.343.992 đồng tiền lãi, tổng cộng số tiền 370.589.332 đồng.

Do đó, nguyên đơn yêu cầu bị đơn có trách nhiệm thanh toán số tiền nợ gốc và nợ lãi đến ngày 22/5/2023 tổng cộng với số tiền 4.571.866.257 đồng.

Ngoài ra, kể từ ngày 22/5/2023, bị đơn còn phải chịu tiền lãi phát sinh theo hợp đồng đã ký cho đến khi thanh toán xong các khoản tiền nói trên.

Trường hợp bị đơn không thực hiện hoặc thực hiện không đầy đủ nghĩa vụ trả nợ, đề nghị Tòa án tuyên nguyên đơn có quyền được yêu cầu phát mãi tài sản thế chấp nói trên để đảm bảo thi hành án. Trường hợp nếu số tiền thu được từ xử lý tài sản bảo đảm không đủ để thanh toán hết khoản nợ thì bị đơn vẫn phải có nghĩa vụ trả hết khoản nợ còn lại cho nguyên đơn.

- Bị đơn ông Hà Văn D1 trình bày:

Ông D1 thừa nhận có ký các hợp đồng tín dụng và thế chấp tài sản nói trên, quá trình thực hiện hợp đồng, bị đơn đã trả cho nguyên đơn tổng cộng số tiền là: 504.621.262 đồng như nguyên đơn trình bày. Do ảnh hưởng dịch bệnh Covid - 19, tình hình khó khăn nên bị đơn không thể tiếp tục thực hiện việc thanh toán tiền gốc và lãi đúng thỏa thuận.

Ông D1 xác định còn nợ của nguyên đơn số tiền gốc và lãi như nguyên đơn trình bày. Tuy nhiên, ông D1 đề nghị nguyên đơn xem xét giảm khoản tiền lãi đã phát sinh và xem xét lại cách tính mức lãi suất quá hạn vì theo thỏa thuận giữa hai bên thì thời hạn vay là 348 tháng, tiền lãi và gốc được trả dần hàng tháng nên nếu tính tiền lãi quá hạn của toàn bộ dư nợ gốc còn lại là chưa phù hợp và do tình hình kinh tế khó khăn, đề nghị bị đơn gia hạn 12 tháng kể từ ngày hôm nay để ông D1 xử lý tài sản thế chấp sẽ thanh toán cho bị đơn.

- Bị đơn bà Nguyễn Thị S trình bày:

Đã được Tòa án triệu tập hợp lệ nhưng không có văn bản trình bày ý kiến.

Tại Bản án dân sự sơ thẩm số 33/2023/DS-ST ngày 26 tháng 5 năm 2023 của Tòa án nhân dân thành phố T, tỉnh Bình Dương đã quyết định:

1. Chấp nhận toàn bộ yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn Ngân hàng Thương mại Cổ phần Q về việc "Tranh chấp hợp đồng tín dụng" với bị đơn ông Hà Văn D1 và bà Nguyễn Thị S.

1.1. Buộc bị đơn ông Hà Văn D1 và bà Nguyễn Thị S có trách nhiệm thanh toán cho nguyên đơn Ngân hàng Thương mại Cổ phần Q tổng cộng số tiền nợ gốc và lãi đến ngày 22/5/2023 là: 4.571.866.257 đồng (trong đó 3.697.675.340 là tiền nợ gốc và 874.190.917 đồng tiền lãi, cụ thể theo các hợp đồng tín dụng sau: Hợp đồng tín dụng số 5903596.21 ngày 27/01/2021 với số tiền 3.399.430.000 đồng nợ gốc và 801.846.926 đồng tiền lãi, tổng cộng 4.201.276.925 đồng và Hợp đồng tín dụng số 3900666.21 ngày 12/11/2021 với số tiền 298.245.340 đồng nợ gốc và 72.343.992 đồng tiền lãi, tổng cộng 370.589.332 đồng).

1.2. Bị đơn ông Hà Văn D1 và bà Nguyễn Thị S còn phải chịu các khoản tiền lãi phát sinh kể từ ngày 22/5/2023 đối với các khoản tiền chưa thanh toán cho đến khi thanh toán xong theo mức lãi suất đã thỏa thuận trong các hợp đồng tín dụng nói trên.

1.3. Trường hợp bị đơn ông Hà Văn D1 và bà Nguyễn Thị S không thanh toán hoặc thanh toán chưa hết các khoản tiền cho nguyên đơn Ngân hàng Thương mại Cổ phần Q thì nguyên đơn ngân hàng có quyền yêu cầu phát mãi tài sản thế chấp theo Hợp đồng thế chấp số 6106565.21.675 ngày 10/3/2021 để thu hồi nợ.

Toàn bộ số tiền thu được từ việc xử lý tài sản bảo đảm được dùng để thanh toán nghĩa vụ trả nợ cho ông Hà Văn D1 và bà Nguyễn Thị S với Ngân hàng Thương mại Cổ phần Q. Trường hợp nếu số tiền thu được từ xử lý tài sản bảo đảm không đủ để thanh toán hết khoản nợ thì ông Hà Văn D1 và bà Nguyễn Thị S vẫn phải có nghĩa vụ trả hết khoản nợ còn lại cho Ngân hàng Thương mại Cổ phần Q.

Ngoài ra, bản án còn quyết định về chi phí tố tụng, án phí và quyền kháng cáo.

Sau khi xét xử sơ thẩm, ngày 07/6/2023, bị đơn ông Hà Văn D1 kháng cáo toàn bộ bản án sơ thẩm.

Tại phiên tòa phúc thẩm, bị đơn ông Hà Văn D1 vẫn giữ yêu cầu kháng cáo đề nghị Tòa án cấp phúc thẩm hủy bản án sơ thẩm do ông bị ép buộc, lừa dối ký kết hợp đồng tín dụng; đề nghị triệu tập những người đã thuê nhà và những người đã cho bị đơn vay tiền vào tham gia tố tụng với tư cách là người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan trong vụ án. Người đại diện hợp pháp của nguyên đơn vẫn giữ nguyên yêu cầu khởi kiện. Các đương sự không thỏa thuận được với nhau về việc giải quyết vụ án.

Đại diện Viện Kiểm sát nhân dân tỉnh Bình Dương phát biểu quan điểm:

- Về tố tụng: Những người tiến hành tố tụng và tham gia tố tụng đã thực hiện đúng quy định của Bộ luật Tố tụng dân sự tại Tòa án cấp phúc thẩm.

- Về nội dung: Ngân hàng Thương mại Cổ phần Q cho ông Hà Văn D1 và bà Nguyễn Thị S vay số tiền 3.500.000.000 đồng theo Theo Hợp đồng tín dụng số 5903596.21 ngày 27/01/2021 và vay số tiền 300.000.000 đồng theo Hợp đồng tín dụng số 3900666.21 ngày 12/11/2021. Tài sản bảo đảm cho 02 khoản vay trên là quyền sử dụng đất, quyền sở hữu nhà ở và tài sản khác gắn liền với đất thuộc thửa đất số 1543, tờ bản đồ số 91 tọa lạc tại khu phố B, phường B, thị xã (nay là thành phố) T, tỉnh Bình Dương đã được cấp Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất, quyền sở hữu nhà ở và tài sản khác gắn liền với đất số BY 901216, số vào sổ CH05027 do Ủy ban nhân dân thị xã (nay là thành phố) T, tỉnh Bình Dương cấp ngày 30/6/2015, cập nhập biến động ngày 26/01/2016 và cập nhật chuyển nhượng ngày 08/6/2017 đứng tên ông Hà Văn D1, được thế chấp theo Hợp đồng thế chấp được Văn phòng Công chứng Trần Thị Thanh M công chứng số 02496, quyển số 03TP/CC-SCC/HĐGD ngày 10/3/2021, đăng ký giao dịch bảo đảm ngày 15/3/2021. Trong quá trình thực hiện hợp đồng, bị đơn không thực hiện đúng nghĩa vụ trả nợ theo hợp đồng đã giao kết nên khoản vay của bị đơn đã chuyển thành khoản nợ quá hạn từ ngày 15/02/2022. Bị đơn kháng cáo nhưng không cung cấp được các tài liệu, chứng cứ chứng minh cho yêu cầu kháng cáo của mình, , đề nghị Hội đồng xét xử giữ nguyên bản án sơ thẩm.

Sau khi nghiên cứu tài liệu chứng cứ có trong hồ sơ vụ án được thẩm tra tại phiên tòa, căn cứ vào kết quả tranh tụng tại phiên tòa, lời trình bày của các đương sự, ý kiến của Kiểm sát viên,

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

[1] Bị đơn bà Nguyễn Thị S đã được Tòa án triệu tập hợp lệ lần thứ hai để tham gia phiên tòa nhưng vẫn vắng mặt không lý do nên Hội đồng xét xử tiến hành xét xử vắng mặt bà S theo quy định tại Điều 296 của Bộ luật Tố tụng dân sự.

[2] Ngân hàng Thương mại Cổ phần Q cho ông Hà Văn D1 và bà Nguyễn Thị S vay số tiền 3.500.000.000 đồng theo Hợp đồng tín dụng số 5903596.21 ngày 27/01/2021 và vay số tiền 300.000.000 đồng theo Hợp đồng tín dụng số 3900666.21 ngày 12/11/2021. Tài sản bảo đảm cho 02 khoản vay trên là quyền sử dụng đất, quyền sở hữu nhà ở và tài sản khác gắn liền với đất thuộc thửa đất số 1543, tờ bản đồ số 91 tọa lạc tại khu phố B, phường B, thị xã (nay là thành phố) T, tỉnh Bình Dương đã được cấp Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất, quyền sở hữu nhà ở và tài sản khác gắn liền với đất số BY 901216, số vào sổ CH05027 do Ủy ban nhân dân thị xã (nay là thành phố) T, tỉnh Bình Dương cấp ngày 30/6/2015, cập nhập biến động ngày 26/01/2016 và cập nhật chuyển nhượng ngày 08/6/2017 đứng tên ông Hà Văn D1, được thế chấp theo Hợp đồng thế chấp được Văn phòng C, quyển số 03TP/CC-SCC/HĐGD ngày10/3/2021, đăng ký giao dịch bảo đảm ngày 15/3/2021.

[3] Trong quá trình thực hiện hợp đồng, bị đơn không thực hiện đúng nghĩa vụ trả nợ theo hợp đồng đã giao kết nên khoản vay của bị đơn đã chuyển thành khoản nợ quá hạn từ ngày 15/02/2022. Tính đến ngày 25/02/2023, bị đơn chỉ thanh toán được số tiền 504.621.262 đồng, trong đó nợ gốc là 102.324.660 đồng, nợ lãi là 402.296.602 đồng. Số tiền bị đơn còn nợ tổng cộng là 4.571.866.257 đồng, trong đó nợ gốc là 3.697.675.340 đồng, nợ lãi là 874.190.917 đồng, cụ thể:

+ Theo Hợp đồng tín dụng số 5903596.21: nợ gốc là 3.399.430.000 đồng, nợ lãi là 801.846.926 đồng. Tổng cộng là 4.201.276.925 đồng.

+ Theo Hợp đồng tín dụng số 3900666.21: nợ gốc là 298.245.340 đồng, nợ lãi là 72.343.992 đồng. Tổng cộng là 370.589.332 đồng.

Bị đơn ông D1 thống nhất việc ký hợp đồng, hợp đồng thế chấp, số tiền vay, số tiền đã thanh toán, số tiền còn nợ. Tuy nhiên, ông D1 cho rằng việc ngân hàng chuyển toàn bộ khoản vay của bị đơn thành khoản nợ quá hạn từ ngày 15/02/2022 là không đúng, ông D1 chỉ phải chịu quá hạn số tiền theo thỏa thuận hàng tháng phải thanh toán.

Xét, theo thỏa thuận tại điểm 4.3.1 khoản 4.3 của điều khoản và điều kiện cấp tín dụng theo hợp đồng tín dụng quy định: *"Trường hợp Bên được cấp tín dụng không thanh toán bất kỳ số dư nợ gốc nào phải trả vào ngày đến hạn theo tài liệu vay vốn và không được V1 chấp thuận cơ cấu lại thời hạn trả nợ, VIB có quyền quyết định chuyển số dư nợ gốc đó sang nợ quá hạn và thực hiện ngay các biện pháp thu hồi nợ phù hợp với quy định của pháp luật"*. Căn cứ vào thỏa thuận trên, việc nguyên đơn chuyển toàn bộ khoản vay còn lại của bị đơn thành khoản nợ quá hạn là có căn cứ. Do vậy, Tòa án cấp sơ thẩm chấp nhận yêu cầu của Ngân hàng Thương mại Cổ phần Q đối với ông Hà Văn D1 và bà Nguyễn Thị S buộc ông D1, bà S phải thanh toán nợ gốc và nợ lãi cho ngân hàng với tổng số tiền tính đến 22/5/2023 là 4.571.866.257 đồng và buộc bị đơn còn phải chịu tiền lãi phát sinh từ ngày 22/5/2023 cho đến khi thanh toán xong các khoản nợ theo mức lãi suất thỏa thuận trong 02 hợp đồng tín dụng mà hai bên đã ký kết, là có căn cứ.

[4] Xét giao dịch bảo đảm: Hợp đồng thế chấp ngày 10/3/2021 đã được các bên ký kết hợp pháp, được công chứng và đăng ký giao dịch bảo đảm theo quy định của pháp luật. Do vậy, Tòa án cấp sơ thẩm tuyên trường hợp bên bị đơn không thanh toán được số tiền vay và tiền lãi thì nguyên đơn có quyền yêu cầu phát mãi tài sản thế chấp theo Hợp đồng thế chấp số 6106565.21.675 ngày 10/3/2021 để thu hồi nợ. Trường hợp nếu số tiền thu được từ xử lý tài sản bảo đảm không đủ để thanh toán hết khoản nợ thì bị đơn vẫn phải có nghĩa vụ trả hết khoản nợ còn lại cho nguyên đơn, là có căn cứ.

[5] Ông D1 kháng cáo cho rằng ông bị ép buộc, lừa dối ký kết hợp đồng, tuy nhiên trong quá trình tố tụng tại Tòa án cấp sơ thẩm, ông D1 thống nhất, thừa nhận các chứng cứ do nguyên đơn cung cấp. Đồng thời, chứng cứ tại hồ sơ thể hiện trước khi nguyên đơn khởi kiện, nguyên đơn đã có Biên bản làm việc ngày 25/5/2022 và ngày 03/6/2022 với ông D1, theo nội dung biên bản thể hiện ý kiến ông D1 đều mong muốn và đề nghị ngân hàng T1 điều kiện để ông D1 có điều kiện thanh toán nợ cho ngân hàng. Do vậy, ông D1 cho rằng ông bị lừa dối, ép buộc là không có căn cứ.

[6] Ông D1 cho rằng phải triệu tập những người đã thuê nhà của ông D1 và những người cho ông D1 vay tiền vào tham gia tố tụng với tư cách là người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan trong vụ án. Xét thấy, những người cho ông D1 vay tiền cũng như những người đã thuê nhà của ông D1 là một giao dịch khác, không liên quan đến vụ án nên yêu cầu của ông D1 là không có căn cứ theo quy định tại khoản 6 Điều 68 của Bộ luật Tố tụng dân sự.

[7] Ông D1 kháng cáo đề nghị nguyên đơn xem xét giảm tiền lãi đã phát sinh, cách tính tiền lãi quá hạn và gia hạn trả nợ để bị đơn xử lý tài sản tài sản thế chấp sẽ thanh toán nhưng những đề nghị của bị đơn không được nguyên đơn đồng ý. Do đó, Hội đồng xét xử không có căn cứ chấp nhận yêu cầu kháng cáo trên của ông D1.

[8] Bị đơn kháng cáo nhưng không cung cấp được chứng cứ nào chứng minh cho yêu cầu kháng cáo của mình là có căn cứ nên kháng cáo của bị đơn không được chấp nhận.

[9] Đề nghị của đại diện Viện Kiểm sát nhân dân tỉnh Bình Dương tại phiên tòa là phù hợp.

[10] Về án phí dân sự phúc thẩm: Do giữ nguyên bản án sơ thẩm nên người kháng cáo phải chịu theo quy định của pháp luật.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

- Căn cứ Điều 148; khoản 1 Điều 308; Điều 313 Bộ luật Tố tụng dân sự.

- Căn cứ Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14, ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

1. Không chấp nhận kháng cáo bị đơn ông Hà Văn D1.

2. Giữ nguyên Bản án dân sự sơ thẩm số 33/2023/DS-ST ngày 26 tháng 5 năm 2023 của Tòa án nhân dân thành phố T, tỉnh Bình Dương.

3. Về án phí dân sự phúc thẩm: bị đơn ông Hà Văn D1 phải chịu số tiền 300.000 đồng (ba trăm nghìn đồng), được khấu trừ vào số tiền 300.000 đồng (ba trăm

nghìn đồng) tạm ứng án phí đã nộp theo Biên lai thu tạm ứng án phí, lệ phí Tòa án số 0004716 ngày 12 tháng 6 năm 2023 của Chi cục Thi hành án dân sự thành phố Thuận An, tỉnh Bình Dương.

Bản án phúc thẩm có hiệu lực pháp luật kể từ ngày tuyên án./.

Nơi nhận:
- VKSND tỉnh Bình Dương;
- Chi cục THADS thành phố T;
- TAND thành phố T;
- Các đương sự;
- Lưu: HCTP, HSVA, Tòa Dân sự.

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ PHÚC THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA

(Đã ký)

Đinh Thị Mộng Tuyết